

Số: **484/2020/QĐST-HNGĐ**

Đà Lạt, ngày 15 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN TẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 657/2020/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

Anh Phạm Việt H, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Đường B, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Chị Nguyễn Ngọc Uyên T, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Đường K, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Việt H và chị Nguyễn Ngọc Uyên T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2018, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nên quan hệ hôn nhân của anh Phạm Việt H và chị Nguyễn Ngọc Uyên T là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình anh H ở đường B, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống kéo dài, hai bên không tôn trọng và không còn sự quan tâm đến nhau. Nay hai bên không còn tình cảm với nhau, vì vậy anh H và chị T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu thuận tình ly hôn của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, và không trái pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Minh T, sinh ngày 05/6/2018. Ly hôn, hai bên thỏa Tân chị Nguyễn Ngọc Uyên T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh Phạm Việt H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2020 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Chị Nguyễn Ngọc Uyên T thỏa thuận chịu lệ phí yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình. Anh Phạm Việt H thỏa Tân chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa Tân đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận Tân tình ly hôn và sự thỏa Tân của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Việt H và chị Nguyễn Ngọc Uyên T Tân tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc Uyên T trực tiếp nuôi con chung tên là Phạm Minh T, sinh ngày 05/6/2018, anh Phạm Việt H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2020 cho đến khi con thành niên.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.3 Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Chị Nguyễn Ngọc Uyên T thỏa thuận chịu 300.000đ lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ anh H, chị T đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003230 ngày 21/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ. Anh Phạm Việt H thỏa thuận chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân TP.Đà Lạt;
- UBND xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Đoàn Thị Tuyết Nga